TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HSST
Ngày: 20/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Hồ.***
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

*1/ Ông **Cao Văn Hiệp**.*

*2/ Ông **Võ Văn Dũng**.*

*- Thư ký phiên toà: Bà **Bùi Thị Cẩm Loan,** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành:Bà **Dương Thị Châu -** Kiểm sát viên.*

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 121/2019/HSST ngày 27/12/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/HSST – QĐ đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trịnh Văn T, sinh ngày 17/11/1998 tại Tiền Giang.

- Tên gọi khác: không có; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chổ ở hiện nay: ấp M, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Cha: Trịnh Văn K, sinh năm: 1973, Nghề nghiệp: Làm rẫy; Mẹ: Đào Thị V, sinh năm: 1973, Nghề nghiệp: Làm rẫy; Cả hai ngụ cùng địa chỉ với bị cáo; Chị ruột: Có 01 người sinh năm 1994. Bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con; Nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình, đi học đến lớp 9 thì nghỉ học ở nhà làm thuê phụ giúp gia đình cho đến ngày phạm tội; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Trịnh Văn T bị tạm giữ từ ngày 22/4/2019 và chuyển tạm giam ngày 25/4/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2. Họ và tên: Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1997 tại Tiền Giang.

- Tên gọi khác: không có; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chổ ở hiện nay: ấp T, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Cha: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1962, Nghề nghiệp: Làm rẫy; Mẹ: Nguyễn Thị S, sinh năm: 1966, Nghề nghiệp: Làm rẫy; Cả hai ngụ cùng địa chỉ với bị cáo; Anh ruột: Có 01 người sinh năm 1989. Bị can là con nhỏ nhất trong gia đình; Vợ: Lê Thị Kim C, sinh năm 2002. Nghề nghiệp: Nội trợ; Bị cáo chưa có con. Nhân thân: Từ nhỏ sống chung với

gia đình, đi học đến lớp 8 thì nghỉ học ở nhà làm thuê phụ giúp gia đình cho đến ngày phạm tội; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo Nguyễn Thanh T1 bị tạm giữ từ ngày 23/4/2019 và chuyển tạm giam ngày 26/4/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3. Họ và tên: Ngô Lê Hiếu N, sinh ngày 25/01/1996 tại Tiền Giang.

- Tên gọi khác: không có; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chổ ở hiện nay: ấp M, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Cha: Ngô Văn P, sinh năm: 1950 (Chết); Mẹ: Lê Thị B, sinh năm: 1959, Nghề nghiệp: Nội trợ; Cả hai ngụ cùng địa chỉ với bị cáo; Chị, em ruột: Có 04 người. Bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con; Nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình, đi học đến lớp 6 thì nghỉ học ở nhà làm thuê phụ giúp gia đình cho đến ngày phạm tội; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị can Ngô Lê Hiếu N bị tạm giữ từ ngày 16/5/2019 và chuyển tạm giam ngày 22/5/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

* *Người bị hại:*

1/ Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1996 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp 6, xã TB, thị xã CL, Tiền Giang.
2/ Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1997 (vắng mặt).
Địc chỉ: số 74 ấp BT 1, xã BHT, huyện MH, tỉnh Long An.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Phạm Văn T3, sinh năm 1994 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp 2, xã TT, thị xã KT, tỉnh Long An.
2/ Trần Phú P1, sinh năm 1978 (vắng mặt);
Địa chỉ: 13/4 LTHG, phường 6, thành phố MT, Tiền Giang.
3/ Nguyễn Văn H, sinh năm 1962(có mặt);
Địa chỉ: ấp T, xã ĐH, CT, Tiền Giang.
4/ Lê Thị Kim C, sinh ngày 04/3/2002 (có mặt);
Đại diện theo pháp luật: Trần Thị Mai N1, sinh năm 1980 (có mặt);
Cùng địa chỉ: ấp ML, xã PL, huyện TP, Tiền Giang.
5/ Trịnh Thị Cẩm T4, sinh năm 1994 (có mặt);
Địa chỉ: ấp M, xã LĐ, CT, Tiền Giang.
6/ Lê Thị B, sinh năm 1959 (có mặt);
Địa chỉ: ấp M, xã LĐ, CT, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng tháng 4/2019 trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, các bị cáo Trịnh Văn T cùng Nguyễn Thanh T1 và Ngô Lê Hiếu N đã có hành vi sử dụng xe mô tô (dùng thủ đoạn nguy hiểm) làm phương tiện cướp giật của chị Nguyễn Thị Kim T2 và Nguyễn Thị Diễm M. Tài sản mà các bị can chiếm đoạt có tổng trị giá là 16.255.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Trong đó, bị cáo Trịnh Văn T chiếm đoạt là 16.255.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thanh T1 chiếm đoạt là 14.355.000 đồng, bị cáo Ngô Lê Hiếu N chiếm đoạt 1.900.000 đồng. Cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Do không có tiền tiêu xài nên khoảng 15 giờ ngày 14/4/2019, bị cáo T rủ bị cáo N đi giật đồ của người đi đường, được bị cáo N đồng ý. Bị cáo T điều khiển xe Exciter biển số 63B3 – 754.24 chở bị cáo N đi từ hướng ngã tư Đồng Tâm đi cầu chợ Bưng, khi cách cầu chợ Bưng khoảng 01km đoạn thuộc ấp 5, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang thì phát hiện chị Nguyễn Thị Diễm M đang điều khiển xe 62T1 – 117.95 lưu thông phía trước cùng chiều nên bị cáo T điều khiển xe chạy vượt lên áp sát chị M để bị cáo N giật túi xách chị M đang đeo rồi tăng ga bỏ chạy. Bên trong túi xách có 01 điện thoại di động Oppo A3S màu trắng, số tiền 500.000đ và một số giấy tờ tùy thân của chị M. Sau đó, bị cáo T đem điện thoại Oppo A3S đến tiệm điện thoại PĐ tại ấp M xã LĐ huyện CT tỉnh Tiền Giang chạy lại chương trình và bán luôn cho anh Trần Phú P1 là chủ tiệm với giá 1.400.000 đồng. Bị cáo N được chia 850.000 đồng, số còn lại bị cáo T giữ. Riêng túi xách và các giấy tờ còn lại cả hai vứt bỏ xuống cầu Long Định.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 146 ngày 03/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành đối với 01 miếng vàng hình chiếc túi được ép nhựa do tài sản không thu hồi được, người bị hại không cung cấp được hóa đơn, chứng từ, trọng lượng, loại vàng do đó Hội đồng định giá không có cơ sở để xác định được giá trị.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 114 ngày 08/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành đối với một túi xách nữ hiệu Vascara màu đen đỏ, 01 điện thoại di động hiệu Oppo A3S màu đỏ do tài sản không thu hồi được, người bị hại không cung cấp được hóa đơn, chứng từ, nguồn gốc xuất xứ, tài sản có giá trị thấp. Do đó, Hội đồng định giá không có cơ sở để xác định được giá trị.

Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai nhận của các bị cáo Trịnh Văn T và Ngô Lê Hiếu N cũng như lời trình bày của anh Trần Phú P1 có căn cứ xác định điện thoại Oppo A3S có trị giá 1.400.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền chiếm đoạt là 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng).

Vụ thứ 2: Do cần tiền tiêu xài, khoảng trưa ngày 22/4/2019, sau khi trả phòng khách sạn NM thuộc ấp N, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang; bị cáo T điều khiển xe 63B3 – 754.24 chở bị cáo Nguyễn Thanh T1 về nhà. Trên đường về, cả hai bàn bạc tìm tài sản để giật. Bị cáo T điều khiển xe chở T1 đi trên quốc lộ 1A theo hướng Long Định – Cai Lậy. Khi gần đến ngã 3 Ấp Bắc, bị cáo T1 nhìn thấy phía bên kia đường anh Phạm Văn T3 điều khiển xe mô tô biển số 62U1 – 025.82 chở chị Nguyễn Thị Kim T2 đi từ hướng Cai Lậy về Mỹ Tho, chị T2 có đeo 01 túi xách nên kêu bị cáo T quay xe lại và đuổi theo. Khi qua khỏi cầu Sao khoảng 200m đoạn thuộc ấp Đông A, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; Bị cáo T điều

khiển xe áp sát xe của anh T3 để bị cáo T1 ngồi sau giật túi xách của chị T2; sau đó, cả hai tăng ga bỏ chạy về hướng Long Định và rẽ vào cống Bể thuộc ấp M, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang; tại đây, cả hai kiểm tra bên trong túi xách thì có 13.855.000 đồng, 01 điện thoại di động loại cảm ứng hiệu Wiko, 02 cây son môi, 01 giấy CMND, 01 thẻ ngân hàng và 01 thẻ khác (không rõ thẻ gì). Bị cáo T1 lấy 5.890.000 đồng và 01 điện thoại Wiko, số tiền còn lại bị cáo T giữ. Riêng túi xách và các tài sản còn lại cả hai vứt bỏ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 113 ngày 05/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành kết luận:

- Đối với 01 túi xách da nữ màu xanh, 02 cây son môi do tài sản không thu hồi được, người bị hại không cung cấp được nhãn hiệu, hóa đơn chứng từ, nguồn gốc xuất xứ tài sản. Do đó, Hội đồng định giá không có cơ sở để xác định được giá trị.

- Một điện thoại di động hiệu Wiko màu đen, model PULPFAB color black, Imei1: 354799070309637, Imei2: 354799070339832, trị giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Tiền chiếm đoạt T1 đem về đưa 350.000 đồng cho vợ là chị Lê Thị Kim C. Tuy nhiên, chị Lê Thị Kim C không biết số tiền trên do T1 phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành không xem xét trách nhiệm hình sự đối với chị Lê Thị Kim C là có căn cứ.

Theo bị hại là chị Nguyễn Thị Kim T2 khai tài sản bị cướp giật về số tiền 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, Trịnh Văn T và Nguyễn Thanh T1 không thừa nhận, chỉ thừa nhận 13.855.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Do đó, căn cứ vào lời trình bày và thừa nhận của Trịnh Văn T và Nguyễn Thanh T1 chỉ có thể quy kết số tiền T và T1 chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Kim T2 số tiền là 13.855.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Như vậy, tổng giá trị chiếm đoạt là 14.355.000 đồng (Mười bốn triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, các bị cáo Trịnh Văn T và Nguyễn Thanh T1 còn khai nhận: Ngoài thực hiện vụ cướp giật trên, trong khoảng thời gian từ tháng 02/2019 đến tháng 4/2019 cả hai còn thực hiện 03 vụ cướp giật khác trên địa bàn huyện Châu Thành. Cụ thể:

Vụ 1: Vào buổi chiều (không nhớ rõ ngày, tháng cụ thể) sau tết nguyên đán 2019, bị cáo Trịnh Văn T điều khiển xe 63B3 – 754.24 chở bị cáo Nguyễn Thanh T1 đi từ cầu Long Định chạy ngược chiều về hướng cầu Rượu; khi gần đến đoạn đường rẽ vào ấp Trung, xã Long Định thì các bị cáo T và T1 phát hiện thấy một người phụ nữ (không rõ tên, địa chỉ) có đeo 01 sợi dây chuyền điều khiển xe ta ga hiệu Elizabeth màu vàng (không rõ biển số) chạy phía trước cùng chiều. Bị cáo T điều khiển xe chở bị cáo T1 chạy vượt lên áp sát xe và bị cáo T1 giật sợi dây chuyền của người nữ. Sau đó, bị cáo T đem sợi dây chuyền đến tiệm vàng (không rõ tên)

gần thị xã Cai Lậy bán được 1.000.000 đồng, bị cáo T chia cho bị cáo T1 500.000 đồng.

Vụ 2: Vào buổi tối (không nhớ rõ ngày, tháng) sau vụ giật dây chuyền, bị cáo Trịnh Văn T điều khiển xe 63B3 – 754.24 chở bị cáo Nguyễn Thanh T1 đi từ ngã 3 Đông Hòa về hướng Vĩnh Kim để tìm tài sản giật. Khi đến gần đầu lộ ấp Tây B, xã Đông Hòa thì phát hiện có 01 người nam chở người nữ đi xe tay ga chạy phía trước cùng chiều, người nữ có đeo 01 cái túi nhỏ màu đen; cũng thủ đoạn như trên bị cáo T điều khiển xe chở T1 vượt lên áp sát, T1 giật túi của người nữ. Sau đó, các bị cáo T và T1 kiểm tra túi được 4.100.000 đồng và 01 bịt thuốc. Bị cáo T và bị cáo T1 chia đôi số tiền. Sau khi lấy tiền, cả hai vứt túi và bịt thuốc trên đường đi về nhà.

Vụ 3: Vào buổi chiều (không rõ ngày, tháng) sau vụ giật túi ở ấp Tây B, bị cáo Trịnh Văn T điều khiển xe 63B3 – 754.24 chở bị cáo T1 đi từ Long Định đến Tân Hương, mục đích là tìm tài sản để giật. Khi đến ngã 3 Hòa Tịnh, xã Tân Hương thì phát hiện có 01 người nam chở người nữ, người nữ có để điện thoại hiệu Oppo trong túi áo khoát bên trái. Bị cáo T điều khiển xe chạy vượt lên để bị cáo T1 giật điện thoại của người nữ. Sau đó, Tài đem điện thoại đến bán cho tiệm điện thoại PĐ ở Long Định với giá 1.400.000 đồng. Cả hai chia đôi số tiền trên.

* Vật chứng, đồ vật đã thu giữ:

- Thu giữ của Trịnh Văn T: Tiền Việt Nam 7.965.000 đồng (Bảy triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng); 01 tờ tiền 5 đô la; 01 tờ tiền 1000 won; 01 tờ tiền 100 campuchia; 01 tờ tiền nước ngoài bằng polime màu xanh mệnh giá 100 số seri AA001736821; 01 điện thoại Samsung A6 vỏ màu xanh; 01 thẻ nhớ 8GB; 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha exciter màu cam biển số 63B3-754.24; 01 bảo hiểm xe mô tô biển số 63B3-754.24; 07 Sim điện thoại; 01 giấy biên nhận của tiệm vàng TT2.

- Thu giữ của Nguyễn Thanh T1: Một điện thoại hiệu Oppo F3 Plus màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu wiko màu đen, model PULPFAB color black, IMEI1: 354799070309637, IMEI2: 354799070339832, mặt sau có dán băng keo (loại băng keo giấy) ghi chữ T1 0906254211 (không kiểm tra tình trạng bên trong máy); 01 Chứng minh nhân dân số 312367067 mang tên Trịnh Văn T; 01 tờ tiền mệnh giá 02 đô la; 01 chiếc ví da màu vàng nâu có in chữ "đi khắp thế gian không ai tốt bằng mẹ, gánh nặng cuộc đời không ai khổ bằng cha". Bên trong ví có 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), 06 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng); 70 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000đ (Năm nghìn đồng)

Tại phiên tòa sơ thẩm.

Các bị cáo Trịnh Văn T, Nguyễn Thanh T1 và Ngô Lê Hiếu N khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo, đúng như nội dung của bản cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn H, Trịnh Thị Cẩm T4 và Lê Thị B trình bày số tiền bồi thường cho các bị hại ông H, chị T4 và bà B không có yêu cầu các bị cáo trả lại.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKSCT ngày 25/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã truy tố các bị cáo Trịnh Văn T, Nguyễn Thanh T1 và Ngô Lê Hiếu N để xét xử về tội *"Cướp giật tài sản"* theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 171 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận: tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Trinh Văn Tài, Nguyễn Thanh T1 và Ngô Lê Hiếu N đã nhận tội về hành vi cướp giật tài sản. Do đó, Kiểm sát viên giữ nguyên cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trịnh Văn T, Nguyễn Thanh T1 và Ngô Lê Hiếu N phạm tội "Cướp giật tài sản".

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Trịnh Văn T với mức án: Phạt tù từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T1 với mức án: Phạt tù từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 2; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Lê Hiếu N với mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi điều khiển xe gắn máy để cướp giật tài sản của người khác nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật sẽ bị trừng trị nghiêm khắc nhưng chỉ vì lười lao động, có ý thức chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ nhu cầu cá

nhân của các bị cáo mà không phải bỏ công sức để lao động nên các bị cáo bất chấp pháp luật cố ý thực hiện tội phạm, do vậy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo. Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, mặc dù không có bàn bạc phân công trước nhưng khi một trong các bị cáo có người rủ rê là hiểu được và thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác, hành vi của các bị cáo rất nguy hiểm, xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác.

[3] Đối với bị cáo Trịnh Văn T là người điều khiển xe áp sát vào xe của các bị hại để tạo điều kiện cho các bị cáo T1 và N thực hiện hành vi cướp giật tài sản, tổng giá trị tài sản bị cáo T chiếm đoạt cùng với các bị cáo T1 và N là 16.255.000đ, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên theo qui định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt đồng thời phòng ngừa chung nhằm đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

Xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho phía bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy căn cứ vào điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 được xem là các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T1 là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bị hại, bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý, bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại tổng cộng là 14.355.000đ, mặc dù các lần bị cáo cùng với bị cáo T thực hiện chưa xác định được bị hại nhưng chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật. Do vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt đồng thời phòng ngừa chung nhằm đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

Xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy căn cứ vào điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

[5] Đối với bị cáo Ngô Lê Hiếu N là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bị hại, bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý, bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại tổng cộng là 1.900.000đ, chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật. Do vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt đồng thời phòng ngừa chung nhằm đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

Xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do vậy căn cứ vào điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo N có 02 tình tiết giảm nhẹ theo qui định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, do vậy Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Nguyễn Thị Kim T2 đã nhận lại 11.715.000đ và 01 điện thoại di động màu đen hiệu Wiko, Nguyễn Thị Diễm M đã nhận lại 5.000.000đ, các bị hại không có yêu cầu gì khác, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phạm Văn T3 vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện anh T3 và chị T2 tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Đối với Trần Phú P1 có hành vi mua điện thoại Oppo A3S của bị cáo Trịnh Văn T. Tuy nhiên, Trần Phú P1 không biết điện thoại trên do các bị cáo Trịnh Văn T và Ngô Lê Hiếu N phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Trần Phú P1 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Hoàng A có hành vi nhận tiền dùm Nguyễn Thanh T1. Qua xác minh, hiện Nguyễn Hoàng A không có mặt tại địa phương; do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra tiếp tục xác minh, làm rõ.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trịnh Thị Cẩm T4 là chị ruột của bị cáo T cho tiền để bị cáo T bồi thường cho các bị hại chị T4 không yêu cầu bị cáo T phải trả lại, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn H là cha của bị cáo T1, ông H không có yêu cầu bị cáo T1 trả lại số tiền ông bỏ ra để bồi thường cho bị hại, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Thị Kim C là vợ bị cáo T1 đã giao nộp số tiền bị cáo T1 chiếm đoạt cho cơ quan Công an, chị C không biết đó là tài sản do bị cáo T1 chiếm đoạt mà có, chị C không có yêu cầu gì khác, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Thị B là mẹ của bị cáo N, bà B không có yêu cầu bị cáo N trả lại số tiền bà bỏ ra để bồi thường cho bị hại, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với 03 vụ cướp giật tài sản của hai bị cáo T và T1 qua xác minh 03 vụ nêu trên, hiện chưa xác định được bị hại; do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành tách ra tiếp tục xác minh, làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về vật chứng của vụ án:

- Cơ quan Công an đã trao trả cho chị Trịnh Thị Cẩm T4 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha exciter màu cam biển số 63B3-754.24 và 01 bảo hiểm xe mô tô biển số 63B3-754.24, xe này các bị cáo dung làm phương tiện để thực hiện hành vi cướp giật tài sản chị T4 không biết và đã nhận lại xe, chị T4 không có yêu cầu gì khác, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Cơ quan Công an đã trao trả cho bị cáo Nguyễn Thanh T1 01 điện thoại hiệu Oppo F3 Plus màu trắng và 01 chiếc ví da màu vàng nâu có in chữ "đi khắp thế gian không ai tốt bằng mẹ, gánh nặng cuộc đời không ai khổ bằng cha". Bị cáo T1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Cơ quan Công an đã trao trả cho bị cáo Trịnh Văn T 01 tờ tiền 5 đô la, 01 tờ tiền 1000 won, 01 tờ tiền 100 campuchia, 01 tờ tiền nước ngoài bằng polime màu xanh mệnh giá 100 số seri AA001736821, 01 điện thoại Samsung A6 vỏ màu xanh, 01 thẻ nhớ 8GB, 07 Sim điện thoại, 01 giấy biên nhận của tiệm vàng TT2, 01 chứng minh nhân dân số 312367067 mang tên Trịnh Văn T và 01 tờ tiền Mỹ mệnh giá 02 đô la. Bị cáo T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có cơ sở và phù hợp với qui định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: các bị cáo ăn năn hối cải xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm về phụ giúp gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **Trịnh Văn T, Nguyễn Thanh T1 và Ngô Lê Hiếu N** phạm tội **"Cướp giật tài sản".**

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Trịnh Văn T 04 (Bốn) năm tù,** thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ tạm giam là ngày 22/4/2019.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T1 03 (Ba) năm tù,** thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ tạm giam là ngày 23/4/2019.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Ngô Lê Hiếu N 02 (Hai) năm tù,** thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ tạm giam là ngày 16/5/2019.

Về án phí: Các bị cáo Trịnh Văn T, Nguyễn Thanh T1 và Ngô Lê Hiếu N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh TG;
-VKSND HCT;
-Chi cục THADS HCT;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu.

ĐÃ KÝ

Nguyễn Ngọc Hồ